

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi
người có công với cách mạng và thân nhân**

Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 05 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, được sửa đổi bổ sung bởi:

Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hoá học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2014.

Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Người có công;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.¹

¹ Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hoá học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng và Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Chương 1.
THỦ TỤC LẬP HỒ SƠ
MỤC 1² (được bãi bỏ)
MỤC 2³ (được bãi bỏ)
MỤC 3⁴ (được bãi bỏ)
MỤC 4⁵ (được bãi bỏ)
MỤC 5⁶ (được bãi bỏ)
MỤC 6⁷ (được bãi bỏ)

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế và Cục trưởng Cục Người có công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch Hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ.”.

Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành”

² Mục này bao gồm Điều 1 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

³ Mục này bao gồm Điều 2 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

⁴ Mục này bao gồm các Điều 3,4,5,6,7,8,9,10 và 11 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

⁵ Mục này bao gồm Điều 12 và 13 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

⁶ Mục này bao gồm Điều 14 và 15 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

MỤC 7. BỆNH BINH

Điều 24.⁸ (được bãi bỏ)

Điều 25. Căn cứ cấp giấy chứng nhận bệnh tật

1. Đối với trường hợp đang tại ngũ phải có giấy ra viện sau khi điều trị bệnh và một trong các giấy tờ sau:

a) Trường hợp quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 33 của Nghị định: Phiếu chuyển thương, chuyển viện; bản sao lý lịch Đảng viên, lý lịch quân nhân, lý lịch công an nhân dân có ghi đầy đủ quá trình công tác;

b) Trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 33 của Nghị định: Giấy xác nhận hoạt động tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp căn cứ vào hồ sơ, lý lịch và địa bàn hoạt động;

c) Trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 33 của Nghị định: Bản sao lý lịch quân nhân, lý lịch công an nhân dân có ghi đầy đủ quá trình công tác;

d) Trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 33 của Nghị định: Quyết định giao đi làm nghĩa vụ quốc tế do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp;

đ) Trường hợp quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 33 của Nghị định: Biên bản xảy ra sự việc do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý lập;

e) Trường hợp quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 33 của Nghị định: Quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp.

2. Trường hợp quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 của Nghị định căn cứ vào các giấy tờ sau:

a) Một trong các giấy tờ quy định tại Điểm a, b, d Khoản 1 Điều này.

Trường hợp sau khi xuất ngũ mà bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần làm mất năng lực hành vi thì căn cứ xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Các giấy tờ được cấp trong thời gian tại ngũ có ghi mắc bệnh kèm bệnh án điều trị tâm thần do bệnh cũ tái phát của bệnh viện cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.

Trường hợp sau khi xuất ngũ mà bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần làm mất năng lực hành vi thì căn cứ vào bệnh án điều trị của bệnh viện cấp tỉnh hoặc

⁷ Mục này bao gồm các Điều 16,17,18,19,20,21,22 và 23 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

tương đương trở lên;

c) Quyết định phục viên hoặc quyết định xuất ngũ.

Trường hợp không còn quyết định thì phải có giấy xác nhận của Ban Chỉ huy quân sự huyện hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ Công an.

d) Biên bản đề nghị xác nhận bệnh binh của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người mắc bệnh cư trú (Mẫu BB4).

Điều 26. Thủ tục xác nhận và giải quyết chế độ

1.⁹ (*được bãi bỏ*)

2. Người mắc bệnh quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 của Nghị định

a) Người mắc bệnh hoặc thân nhân làm đơn đề nghị giải quyết chế độ kèm giấy tờ quy định tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 25 của Thông tư này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đơn có trách nhiệm xác minh, lập biên bản đề nghị xác nhận bệnh binh kèm giấy tờ quy định tại Điểm a Khoản này gửi Ban Chỉ huy quân sự huyện hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ Công an;

c) Ban Chỉ huy quân sự huyện hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ Công an trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ quy định tại Điểm b Khoản này, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy xác nhận về thời gian phục vụ trong quân đội, công an (trong trường hợp không còn quyết định phục viên hoặc xuất ngũ); chuyển các giấy tờ đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bệnh tật theo quy định của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an;

d) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận bệnh tật và giới thiệu ra Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền;

đ) Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an căn cứ biên bản kết luận của Hội đồng giám định y khoa để ra quyết định cấp giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp, phụ cấp; chuyển đến cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội nơi bệnh binh cư trú để thực hiện chế độ ưu đãi.

MỤC 8¹⁰ (*được bãi bỏ*)

MỤC 9¹¹ (*được bãi bỏ*)

⁹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

¹⁰ Mục này bao gồm các Điều 27, 28, 29, 30, 31 và 32 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

¹¹ Mục này bao gồm các Điều 33 và 34 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ

MỤC 10¹² (được bãi bỏ)
MỤC 11¹³ (được bãi bỏ)
MỤC 12¹⁴ (được bãi bỏ)
Chương 2¹⁵ (được bãi bỏ)

Chương 3.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52.¹⁶ (được bãi bỏ)

Điều 53.¹⁷ (được bãi bỏ)

Điều 54. Hiệu lực thi hành¹⁸

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 và thay thế Thông tư 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2006, Thông tư số 02/2007/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 01 năm 2007, Thông tư số 25/2007/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2007, Thông tư số 08/2009/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

¹² Mục này bao gồm các Điều 35 và 36 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

¹³ Mục này bao gồm các Điều 37 và 38 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

¹⁴ Mục này bao gồm các Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44 và 45 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

¹⁵ Chương này bao gồm các Điều 46, 47, 48, 49, 50 và 51 được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

¹⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

¹⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

¹⁸ Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./”.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết. /

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

Số: 5161 /VBHN-BLĐTBXH

Nơi nhận:

- VPCP (để đăng công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử của Bộ (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục NCC.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2024

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Bá Hoan

PHỤ LỤC I**KÝ HIỆU HỒ SƠ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

(Kèm theo Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Lao động và Thương binh và Xã hội)

1. Ký hiệu hồ sơ các đối tượng:

LOẠI HỒ SƠ	KÝ HIỆU
Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (cán bộ lão thành cách mạng)	LT
Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (cán bộ tiền khởi nghĩa)	TKN
Liệt sĩ	LS
Anh hùng	AH
Thương binh	AQ
Thương binh loại B	BQ
Người hưởng chính sách như thương binh	CK
Bệnh binh	BB
Người hoạt động cách mạng bị bắt và tù đày	BT
Người hoạt động kháng chiến	KC
Người có công giúp đỡ cách mạng	CC
Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	HH
Tuất tử trần	TT

2. Ký hiệu hồ sơ theo thời kỳ

LOẠI HỒ SƠ	KÝ HIỆU
Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945	TCM
Trong kháng chiến chống Pháp (8/1945 - 20/7/1954)	CP
Trong kháng chiến chống Mỹ (21/7/1954 - 30/4/1975)	CM
Bảo vệ Tổ quốc (sau 30/4/1975)	BV

PHỤ LỤC II
KÝ HIỆU CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Tên tỉnh, thành phố	Ký hiệu	TT	Tên tỉnh, thành phố	Ký hiệu
1.	An Giang	AGG	33.	Kon Tum	KTM
2.	Bắc Kạn	BKN	34.	Long An	LAN
3.	Bình Dương	BDG	35.	Lai Châu	LCU
4.	Bình Định	BDH	36.	Lào Cai	LCI
5.	Bắc Giang	BGG	37.	Lâm Đồng	LDG
6.	Bạc Liêu	BLU	38.	Lạng Sơn	LSN
7.	Bắc Ninh	BNH	39.	Nghệ An	NAN
8.	Bình Phước	BPC	40.	Ninh Bình	NBH
9.	Bến Tre	BTE	41.	Nam Định	NDH
10.	Bình Thuận	BTN	42.	Ninh Thuận	NTN
11.	Bà Rịa - Vũng Tàu	BVT	43.	Phú Thọ	PTO
12.	Cao Bằng	CBG	44.	Phú Yên	PYN
13.	Cà Mau	CMU	45.	Quảng Bình	QBH
14.	Cần Thơ	CTO	46.	Quảng Ninh	QNH
15.	Đắk Lắk	DLK	47.	Quảng Nam	QNM
16.	Đắk Nông	DNG	48.	Quảng Ngãi	QNI
17.	Đà Nẵng	DAN	49.	Quảng Trị	QTI
18.	Điện Biên	DBN	50.	TP Hồ Chí Minh	HCM
19.	Đồng Nai	DNI	51.	Sơn La	SLA
20.	Đồng Tháp	DTP	52.	Sóc Trăng	STG
21.	Gia Lai	GLI	53.	Thái Bình	TBH

22.	Hòa Bình	HBH	54.	Tiền Giang	TGG
23.	Hải Dương	HDG	55.	Thanh Hóa	THA
24.	Hà Giang	HAG	56.	Thái Nguyên	TNN
25.	Hà Nội	HAN	57.	Tây Ninh	TNH
26.	Hà Nam	HNM	58.	Tuyên Quang	TQG
27.	Hải Phòng	HPG	59.	Thừa Thiên Huế	TTH
28.	Hà Tĩnh	HTH	60.	Trà Vinh	TVH
29.	Hậu Giang	HGG	61.	Vĩnh Long	VLG
30.	Hưng Yên	HYN	62.	Vĩnh Phúc	VPC
31.	Kiên Giang	KGG	63.	Yên Bái	YBI
32.	Khánh Hòa	KHA			

Mẫu BB3⁵³ (được bãi bỏ)

Mẫu BB4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BIÊN BẢN
Đề nghị xác nhận bệnh binh

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... đại diện Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, các tổ chức đoàn thể và nhân dân xã, phường:

Bao gồm (ghi rõ họ tên và chức danh):

1

2

Đã họp để xem xét đề nghị hưởng chế độ bệnh binh do bệnh cũ tái phát của ông (bà):

Sinh ngày ... tháng ... năm Nam/Nữ:

Nguyên quán:.....

Trú quán:

Nguyên là quân nhân hoặc công an:

Tình trạng bệnh tật hiện nay:

Lý do mắc bệnh:

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xác nhận và giải quyết chế độ bệnh binh đối với ông (bà):

ĐẠI DIỆN MẶT TRẬN
TỔ QUỐC
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

ĐẠI DIỆN ĐẢNG
ỦY
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

ĐẠI DIỆN UBND
CẤP XÃ
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

⁵³ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Mẫu HH1⁵⁴ (được bãi bỏ)
Mẫu HH2⁵⁵ (được bãi bỏ)
Mẫu HH3⁵⁶ (được bãi bỏ)
Mẫu HH4⁵⁷ (được bãi bỏ)
Mẫu HH5⁵⁸ (được bãi bỏ)
Mẫu HH6⁵⁹ (được bãi bỏ)
Mẫu HH7⁶⁰ (được bãi bỏ)
Mẫu TĐ1⁶¹ (được bãi bỏ)
Mẫu TĐ2⁶² (được bãi bỏ)
Mẫu TĐ3⁶³ (được bãi bỏ)
Mẫu TĐ4⁶⁴ (được bãi bỏ)
Mẫu TĐ5⁶⁵ (được bãi bỏ)

⁵⁴ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

⁵⁵ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hoá học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2014.

⁵⁶ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hoá học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2014.

⁵⁷ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

⁵⁸ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hoá học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2014.

⁵⁹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hoá học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2014.

⁶⁰ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

⁶¹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

⁶² Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

⁶³ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

⁶⁴ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại Phần I Phụ lục II của Thông tư số 18/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

